**Phòng Giáo Dục Quận 10**

**Trường THCS Trần Phú**

**NGỮ VĂN 9 – BÀI 2 ( Tuần 2 từ 13/9 – 18/9/2021)**

|  |
| --- |
| **PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**  Các phương châm hội thoại  Các phương châm hội thoại (tt)  Các phương châm hội thoại (tt)  Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp  Thuật ngữ  Xưng hô trong hội thoại (Khuyến khích học sinh tự đọc) |

**CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

**I. Tìm hiểu bài**

**VD1/ 8**

- Học bơi ở đâu?

- Ở dưới nước

***-> Thiếu nội dung cần biết***

**VD2/ 9**

- Lợn cưới

- Từ lúc mặc áo mới

***→ Thừa nội dung cần biết***

***⇒ Vi phạm phương châm về lượng***

**VD3/9**

- Quả bí to bằng cả cái nhà

- Cái nồi đồng to bằng cả cái đình làng ta

***→ Nói khoác, nói sai sự thật.***

***⇒ Vi phạm phương châm về chất.***

**II. Bài học**

**1. Phương châm về lượng**

Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu không thừa **(Phương châm về lượng)**

**2. Phương châm về chất**

Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực **(phương châm về chất)**

**III. Luyện tập: Làm bài tập SGK**

**IV. Dặn dò**

- Học Ghi nhớ

- Làm bài tập 4+5

- Soạn bài tt

**CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

**(Tiếp theo)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VD1:** Ông nói gà, bà nói vịt  ***→ Mỗi người nói 1 đằng, không khớp nhau, không hiểu nhau***  ***⇒ Vi phạm phương châm quan hệ***  **VD2:**  a. Dây cà ra dây muống  → nói dài dòng, rườm rà  b. Lúng túng như ngậm hột thị  → Nói ấp úng, không rành mạch  ⇒***Vi phạm phương châm cách thức***  **VD3:** Truyện “Người ăn xin”  - Lời lẽ lịch sự, tế nhị  - Thái dộ quan tâm, tôn trọng người khác  **⇒ Phương châm lịch sự** | **II. Bài học**  **1. Phương châm quan hệ**  Khi giao tiếp , cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề  **2. Phương châm cách thức**  Khi giao tiếp, cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch; tránh cách nói mơ hồ  **3. Phương châm lịch sự**  Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác |

**III. Luyện tập: Làm bài tập SGK**

**IV. Dặn dò:**   
- Học Ghi nhớ

- Làm bài tập 5

- Soạn bài tt

**CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VD/36:** Truyện cười “Chào hỏi”  ... Bác làm việc vất vả lắm phải không?  -> Tuân thủ phương châm lịch sự nhưng không tuân thủ tình huống giao tiếp  **=> gây phiền hà cho người khác**  **VD1/37**  - Chỉ có truyện “Người ăn xin” tuân thủ phương châm lịch sự  **VD2/37:** - Hỏi: Năm nào?  - Đáp: Đầu thế kỷ XX  ***→ Vi phạm phương châm về lượng. Ưu tiên phương châm về chất***  **VD3/37** Bác sĩ không nói đúng bệnh của bệnh nhân  ***→ Không tuân thủ phương châm về chất, ưu tiên một yêu cầu quan trọng hơn***  **VD4/37:** Tiền bạc chỉ là tiền bạc  ***→ Nghĩa tường minh:*** Không tuân thủ phương châm về lượng  ***→ Hàm ý:*** cuộc sống còn nhiều thứ khác quan trọng hơn đồng tiền | **II. Bài học**  **1. Quan hệ giữa phương châm hội thoại với tình huống giao tiếp**  Việc vận dụng các phương châm hội thoại cần phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp. (Nói khi nào? Nói ở đâu? Nói để làm gì? Nói với ai)  **2. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại**  Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể bắt nguồn từ những nguyên nhân sau:  + Người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hóa giao tiếp  + Người nói phải ưu tiên cho một phương châm hội thoại hoặc một yêu cầu quan trọng hơn  + Người nói muốn gây một sự chú ý, để người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó |

**III. Luyện tập: Làm các bài tập SGK**

**IV. Dặn dò**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VD1/53:**  a. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng thèm người là gì?”  ***-> Lời nói của nhân vật***  b. Họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới...chẳng hạn”  ***-> Ý nghĩ của nhân vật***  ***=> Lời dẫn trực tiếp***  **VD2/23**  a. Lão khuyên nó hãy dằn lòng ...  ***-> Lời nói của nhân vật***  b. Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống…  ***-> Ý nghĩ của nhân vật***  ***=> Lời dẫn gián tiếp*** | **II. Bài học**  **1. Thế nào là cách dẫn trực tiếp?**  Là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật  Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép  **2. Thế nào là cách dẫn gián tiếp?**  Là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp.  Lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép. |

**III. Luyện tập: Làm bài tập SGK**

**IV. Dặn dò**

- Học Ghi nhớ

- Soạn bài tt

**THUẬT NGỮ**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VD1/87**  a)  - Nước là chất lỏng…  - Muối là tinh thể trắng…  → Cách giải thích thông thường  b)  - Nước là hợp chất… có công thức là H2O  - Muối là hợp chất… gốc a-xít  → Thuật ngữ  **VD2/88**  - Thạch nhũ → Địa  - Bazơ → Hóa  - Ẩn dụ → Văn  - Phân số thập phân → Toán  ***→ Thuật ngữ dùng trong văn bản khoa học, công nghệ***  **VDII/88**  1. Mỗi thuật ngữ biểu hiện một khái niệm  2.  a) Muối (thuật ngữ): Không có tính biểu cảm  b) Muối (ca dao): Có tính biểu cảm | **II. Bài học**  **1. Thế nào là thuật ngữ?**  Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ  **2. Đặc điểm của thuật ngữ**  Về nguyên tắc trong một lĩnh vực khoa học, công nghệ nhất định, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị 1KN và ngược lại, mỗi KN chỉ được biểu thị bằng 1 thuật ngữ  Thuật ngữ không có tính biểu cảm |

**III. Luyện tập: Làm bài tập SGK**

**IV. Dặn dò**

- Xem lại bài

- Soạn bài tt

**XƯNG HÔ TRONG HỘI THOẠI**

***( Hướng dẫn học sinh tự học)***

|  |  |
| --- | --- |
| **I. Tìm hiểu bài**  **VD1/38:**  - Ngôi thứ nhất: tớ, tôi, chúng ta, chúng mình…  - Ngôi thứ hai: bạn, mày, các bạn, chúng mày…  - Ngôi thứ 3: hắn, cô ấy, chúng nó…  - Từ ngữ chỉ quan hệ gia đình: ông bà, bố mẹ, cô chú....  - Xưng tên  **VD2/38,39**  Dế Choắt: Em - Anh  Dế Mèn: Ta - chú mày  → Thái độ nhún nhường của Dế Choắt  Dế Choắt: Tôi - Anh  Dế Mèn: Tôi - Anh  → Quan hệ ngang hàng | **II. Bài học**  **1. Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô**  Tiếng Việt có hệ thống từ ngữ xưng hô rất phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm  **2. Việc sử dụng từ ngữ xưng hô**  Người nói cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống giao tiếp để xưng hô cho thích hợp. |

**III. Luyện tập: Làm bài tập SGK**

**IV. Dặn dò**